

Bản án số: **33/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 05 tháng 8 năm 2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Trịnh Phước Đức

2/. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung, Thư ký tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 378 /2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 6 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1980.

2. Bị đơn: **Anh Võ Văn P**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Đầy Hương 3, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 10, khu phố 10, thị trấn D, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29 tháng 9 năm 2019, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Chị và anh Võ Văn P thương nhau là do tự nguyện tìm hiểu vào năm 2015, được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/9/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống

hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Võ Minh D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2015 hiện tại chị đang nuôi dưỡng. Đầu năm 2019, chị và anh P chuyển qua Phú Quốc ở tại tổ 10, khu phố 10, thị trấn D, huyện Phú Quốc để làm ăn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là do anh P sống không chung thủy với chị. Từ đó, vợ chồng có lời qua tiếng lại thì anh P đánh chị nhiều lần, có lần chị báo với chính quyền địa phương can thiệp và từ đó sống ly thân nhau. Mặc dù, mẹ và chị anh P khuyên bảo nhưng anh P không nghe.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Minh D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2015 đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị cam kết không có. Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Văn P tại biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2020 trình bày: Về điều kiện kết hôn, con chung và tài sản chung chị N trình bày là đúng. Riêng nợ chung anh và chị N có vay của Ngân hàng HDBank chi nhánh Sóc Trăng số tiền 290.000.000 đồng. Nay anh xét thấy còn yêu thương vợ anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn thì anh yêu cầu được chia đôi nợ chung.

Tại phiên Tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn còn vi phạm về thời hạn chuẩn xét xử và thời hạn thụ lý vụ án, nhưng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên kiến nghị rút kinh nghiệm chung.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tuyên xử giao cháu Võ Minh D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2015 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P xác nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Võ Văn Phúc Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Võ Văn P xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/9/2016 là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị N thì chị và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P sống không chung thủy với chị, không quan tâm đến vợ con nên vợ, chồng thường xuyên cự cãi, đánh đập nhau và sống ly thân nhau. Qua xác minh chị Đoàn Tường U là người ở trọ và bà Bùi Thị L là chủ nhà trọ của chị N và anh P cũng đã xác nhận anh P thường xuyên đánh chị N. Xét thấy, chị N và anh P thường xuyên đánh đập nhau và sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Hai người sống bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau thời gian dài chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn anh P. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn anh P.

[4]. Xét về con chung: Cháu Võ Minh D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2015 chưa đủ 7 tuổi, từ ngày ly thân đến nay cháu D được chị N nuôi dưỡng chu toàn về mọi mặt nên giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý.

[5] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về nợ chung: Chị N xác nhận vợ chồng không nợ ai, còn anh P thì cho rằng vợ chồng có nợ Ngân hàng HDBank chi nhánh Sóc Trăng số tiền 290.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo số 03/TB-YCPT ngày 26/2/2020 về việc yêu cầu phản tố và cung cấp chứng cứ kèm theo nhưng anh P không thực hiện nên không có căn cứ để xem xét.

[6] Xét về tài sản chung: Chị N và anh P xác nhận không có tài sản chung nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn anh Võ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Minh D, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N.

Anh Võ Văn P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 600.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0006795 ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, chị N được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh P không phải chịu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể ngày từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

- VKSND huyện Phú Quốc;
- CCTHA dân sự huyện Phú Quốc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HÒ VĂN BÌNH